

SỬ DỤNG LÝ THUYẾT CHỨC NĂNG TRONG XÁC ĐỊNH VAI TRÒ CỦA CÁC LOẠI HÌNH TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI VIỆT Ở QUẢNG NAM

(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP NGƯỜI VIỆT TẠI THÀNH PHỐ HỘI AN)

Lê Thu Huyền, Võ Thị Thanh Thuý

Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung

lethuhuyen2005@gmail.com, thanhthuydhnv.edu@gmail.com

TÓM TẮT— Việc sử dụng lý thuyết trong nghiên cứu giữ vai trò rất quan trọng, không ngành khoa học nào không có lý thuyết của ngành. Các lý thuyết trong nghiên cứu Nhân học có lịch sử và quá trình phát triển gắn liền với các nhà Nhân học tiêu biểu người Anh, Mỹ. Trong số các lý thuyết nhân học đương đại, có thể nói, lý thuyết chức năng* có tính ứng dụng cao khi dùng để giải mã các hiện tượng văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng. Mục đích của bài viết nhằm sử dụng lý thuyết chức năng để làm rõ thực trạng đời sống tín ngưỡng của người Việt ở Quảng Nam, qua đó giúp chúng tôi giải thích được giá trị của sinh hoạt tín ngưỡng trong cuộc sống và khẳng định được vai trò cấu tín ngưỡng người Việt trong văn hóa xứ Quảng nói chung.

Từ khóa— Thuyết chức năng, tín ngưỡng nghề nghiệp, vai trò, người Việt, Quảng Nam.

I. GIỚI THIỆU

Quảng Nam là vùng đất có dấu tích con người tồn tại và sinh sống lâu đời ở khu vực duyên hải miền Trung Việt Nam. “Những cư dân có mặt trên đất Quảng Nam ngày nay và trước đây vừa là những cư dân có mặt từ rất sớm trong lịch sử phát triển của vùng đất (người Chăm và có thể là các dân tộc miền núi Cơ tu, Xơ đăng, Giê-Triêng, Cor...) vừa là những cư dân từ nơi khác chuyển đến vào những thời điểm lịch sử khác nhau là người Việt, người Hoa...” [1].

Cho đến nay, Quảng Nam có dân số 1.499.626 người, gồm 93,6% là dân tộc Kinh (Việt) và gần 6,4% là các dân tộc ít người [2]. Trong số các dân tộc ít người sinh sống ở Quảng Nam, người Cơ Tu chiếm hơn 3,2% với 55.091 người [3]. Các dân tộc ở Quảng Nam đã tạo ra bức tranh văn hoá đa sắc màu và những giá trị văn hoá đặc trưng cho mảnh đất này. Tìm hiểu tín ngưỡng của người Việt ở Quảng Nam là một phức hệ bao gồm nhiều nhân tố hiện gắn bó thiết thực với đời sống tinh thần của người địa phương, thể hiện trong sinh hoạt gắn với vòng đời người (sinh, dưỡng, tang, cưới, mừng thọ...), với sinh hoạt cộng đồng (gia đình, dòng họ, làng xóm) và nghề nghiệp (nghề nông, nghề đánh cá, nghề mộc, nghề gốm, nghề rèn, nghề may, nghề yếm...).

Trong những năm gần đây, các ngành nghiên cứu khoa học ở Việt Nam đã và đang đi sâu nghiên cứu mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; trong đó, ngành Dân tộc học cũng đang từng bước hội nhập vào Nhân học, vì thế bên cạnh học thuyết Mác-xít những nhà khoa học còn vận dụng những trường phái lý thuyết của phương Tây trong lĩnh vực Nhân học, Xã hội học, Tâm lý học để làm rõ một số vấn đề và đối tượng nghiên cứu. Nhận thấy, lý thuyết thuyết Chức năng có nhiều ưu điểm và phù hợp để áp dụng nghiên cứu làm sáng tỏ vai trò của các loại hình tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp của người Việt ở Quảng Nam. Bài viết này sẽ phân tích và kiểm chứng những nhận định nêu trên.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÝ THUYẾT CHỨC NĂNG

Thuyết Chức năng xuất hiện vào nửa đầu thế kỷ XX gắn liền với tên tuổi của Bronislaw Malinowski (1884-1942) và sau đó là Arthur Reginald Radcliffe Brown (1881-1955). B. Malinowski đã trải qua thời gian 6 năm (từ 1914 đến 1920) để nghiên cứu đời sống của cư dân đảo Trobriand và đã viết nhiều tác phẩm về các tập tục của người dân ở đây. Ông là người đặt nền tảng cho thuyết Chức năng. Còn Radcliffe Brown là người có tầm ảnh hưởng trong việc phát triển lý thuyết này. Quan điểm của Malinowski và Radcliffe Brown là không xem những tập tục của các xã hội có quy mô nhỏ như là những tàn dư của một thời kỳ trước đó, mà phải giải thích theo chức năng hiện thời của chúng. Để giải thích các tập tục phải dựa vào chức năng hiện có của chúng, ông đưa ra hai ví dụ về chức năng trong tập tục của người dân đảo Trobriand là khi đóng thuyền đi biển, người thợ đóng thuyền thường đọc những lời thần chú trong quá trình hoàn thành chiếc thuyền; hoặc họ luôn thực hiện những nghi lễ “bùa phép” khi đi đánh bắt ngoài biển khơi. Còn lúc đánh cá ở ven hồ hoặc tại vùng biển cạn, ít nguy hiểm đến tính mạng thì họ sẽ không có những nghi lễ liên quan đến “bùa phép”. Giải thích cho hai trường hợp này, Malinowski cho rằng, “việc đọc thần chú và làm bùa phép là nhằm trấn an tâm lý của con người. Khi đọc thần chú, người thợ

* Xuất hiện vào nửa đầu thế kỷ XX gắn liền với tên tuổi của Bronislaw Malinowski (1884-1942) và sau đó là Arthur Reginald Radcliffe Brown (1881-1955).

sẽ có được sự tự tin để hoàn thành con thuyền; cũng như khi làm bùa phép thì người đánh cá sẽ an tâm hơn khi đối mặt với biển cả. Do đó, những tập tục xuất hiện trong đời sống cộng đồng đều gắn liền với một chức năng nào đó về mặt tâm lý của con người và những tập tục xuất hiện theo nguyên tắc của nó". Malinowski còn cho rằng, tìm những nguyên tắc khi cộng đồng thực hiện những tập tục cũng quan trọng không kém việc quan sát cộng đồng thực hiện tập tục đó. Vì vậy, ông đã xây dựng lý thuyết trên nguyên tắc sinh học có quan hệ chặt chẽ với việc nghiên cứu các phương thức nhằm thỏa mãn những nhu cầu cuộc sống của con người trong ăn ở, sinh hoạt. Từ *chức năng* được dùng ở đây theo nghĩa là thỏa mãn nhu cầu sinh học chủ yếu của cá nhân thông qua những phương tiện của văn hóa. Ông lập luận, văn hóa là cách thức hữu hiệu và bền vững hơn để thỏa mãn những nhu cầu sinh học bẩm sinh của con người và điều này tạo ra một bản sắc riêng biệt của tộc người. Do đó, thuyết chức năng là nền tảng xem văn hóa là một hệ thống cân bằng, vì vậy mà Malinowski lập luận, bất kỳ văn hóa nào trong tiến trình phát triển cũng đều tạo ra một hệ thống cân bằng, ổn định, trong đó mỗi bộ phận đều thực hiện chức năng của nó" [4].

III. CÁC LOẠI HÌNH TÍN NGƯỠNG NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI VIỆT Ở QUẢNG NAM VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

A. CÁC LOẠI HÌNH TÍN NGƯỠNG NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI VIỆT Ở QUẢNG NAM

1. TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

a) Tín ngưỡng liên quan đến nghề trồng lúa

Người Việt ở Quảng Nam canh tác lúa nước hai vụ một năm đó là vụ Chiêm (hay còn gọi là vụ hè thu) và vụ mùa (hay còn gọi là vụ đông xuân). Người dân ai cũng mong cầu có một vụ mùa bội thu nên từ thửa sơ khai, trước mùa gieo cấy người dân tổ chức lễ xuống đồng. Lễ được tổ chức ở cánh đồng, nơi có địa thế cao, thuận lợi. Hương án được thành lập 03 bàn: bàn chính giữa lớn nhất là nơi thờ Thần Nông; hai bàn nhỏ hơn thờ Thủy Thần và Thổ Thần. Trong lễ này, không thể thiếu 2 vật dụng là trâu và cày – được chọn từ những gia đình làm ăn phát đạt, trâu mạnh khỏe. Sau lễ, người chủ lễ sẽ đem trâu xuống đám ruộng được chọn cày mấy đường. Ý nghĩa của lễ là nhằm cầu cho mùa vụ được thuận lợi, bội thu.

Sau khi vụ mùa kết thúc, những hạt lúa mới được đem ra nấu để làm lễ cúng cơm mới. Ý nghĩa của lễ này là tạ ơn Thần Nông – Người khai canh, vỡ đất, cai quản ruộng đồng. Bên cạnh đó, còn bày tỏ lòng biết ơn tổ tiên và các vị thần sở tại (Thành Hoàng bốn xứ, các vị Tiền hiền, Hậu hiền, các đấng thần linh...) đã bảo vệ mùa màng tươi tốt, đem lại cuộc sống bình an, no đủ cho người dân. Lễ vật cúng cơm mới chính là những hạt lúa gặt về được phơi khô, xay/máy, lấy gạo nấu cơm để cúng.

Nằm trong hệ thống nghi lễ tín ngưỡng nông nghiệp còn có lễ cúng mục đồng. Nguồn gốc của tín ngưỡng này xuất phát từ quan niệm "Con trâu là đầu cơ nghiệp". Từ những quan niệm đó nên từ xưa, nhằm tri ân, tưởng nhớ đến công lao của những người nuôi dưỡng, chăn dắt những động vật thân quen được coi như là lực lượng sản xuất chính của nghề nông, đó là trâu, bò.

b) Tín ngưỡng liên quan đến nghề trồng rau

Làng rau truyền thống Trà Quế thuộc xã Cẩm Hà, thị xã Hội An (Quảng Nam), có vị trí như một cù lao sông nước bởi nó được bao bọc bởi sông Đệ Võng và đầm Trà Quế xung quanh, là điều kiện tưới tiêu rất cần thiết và tốt cho trồng rau. Đầm Trà Quế cũng là nơi sản sinh ra lượng rong lớn để nông dân làm phân bón rau rất tốt. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển nghề trồng rau từ bao đời nay.

Tín ngưỡng quan trọng nhất đối với làng rau Trà Quế là lễ cúng cầu Bông mùng 7 tháng Giêng hàng năm nhằm cầu mong cho cây trái được đơm bông, kết trái, cuộc sống của nông dân được bình an, sung túc. Địa điểm cúng cầu bông hiện nay là tại Miếu Xóm làng rau. Đây được xem là vị trí trung tâm của làng. Ngoài ra, mỗi tổ cũng có một miếu nhỏ để cúng riêng, sau khi đã cúng lễ chính tại Miếu Xóm trong ngày mùng 7.

Lễ vật cúng gồm: mâm xôi màu hồng (lấy màu bằng lá kim long), gà trống, hương đèn, hoa quả, trà rượu, vàng mã... Lễ cúng bắt đầu từ 7 giờ đến 10 giờ, ngày mùng 7. Tiến hành cúng có đội gia lễ gồm: ông xướng (người điều hành nghi thức lễ); chủ tế (là người cúng chính ở bàn thờ giữa, người này đã được bầu chọn từ trước khi lễ cúng diễn ra, là người cao tuổi, có uy tín, hợp năm tuổi, không mắc tang...); tả hữu phân hiến (hai người cúng ở bàn thờ hai bên); học trò lễ (là những người dâng rượu, dâng hương); ngoài ra còn có đội bát âm lo phần nhạc lễ. Khi cúng vái, ngoài phần giới thiệu tên đất tên làng, lễ vật dâng lên, người ta còn khấn vái Thần Nông, Thành Hoàng Bốn Xứ đất Trà Quế và những bậc lão làng của nghề trồng rau đã quá cố để tỏ lòng thành kính ghi nhớ công ơn. Sau khi đã cúng xong tại Miếu Xóm, người ta về nhà cúng cầu Bông tại nhà riêng.

2. TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN NGƯ NGHIỆP

Hiện nay, các làng xã ven biển Quảng Nam tính từ Bắc vào Nam thuộc các huyện, thành phố: Điện Bàn, Hội An, Duy Xuyên, Thăng Bình, Tam Kỳ, Núi Thành. Cộng đồng ngư dân ven biển Quảng Nam lấy biển làm nguồn sống, xem biển là người bạn đồng hành trong cuộc sống mưu sinh qua nhiều thế hệ. Đồng thời, họ cũng xây dựng cho

minh hệ giá trị tinh thần về tín ngưỡng, tâm linh liên quan đến nghề biển rất đậm nét. Đặc trưng nổi bật của tín ngưỡng liên quan đến ngư nghiệp đó là Tín ngưỡng thờ Cá Ông/ Cá Voi/ Nam Hải Đại tướng quân. Liên quan đến tín ngưỡng này là lễ cầu Ngư.

Lễ cầu Ngư được tổ chức nhằm bày tỏ lòng thành kính của ngư dân với Thần Nam Hải, cầu mong sự che chở, một mùa bội thu và xua đi mọi điều xấu. Thời gian tổ chức Lễ cầu Ngư diễn ra vào nhiều thời điểm khác nhau ở mỗi địa phương. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi đã chọn làng vịnh chài Cửa Đại là đối tượng nghiên cứu, Lễ cầu Ngư ở đây diễn ra trong 2 ngày chính đó là 16/2 – 17/2 âm lịch hàng năm.

Lễ cầu Ngư thường được tổ chức ở ngay cửa biển, bên bãi biển hoặc trong Lăng Ông. Trước khi tiến hành lễ hội, các ngư dân trong làng, xóm phải họp lại để bầu ra một ban tế lễ, gồm các vị cao niên, đức độ trong làng, không vướng tang sự trong năm. Ban tế lễ gồm 2 vị chánh bái, 2 vị xướng (Đông xướng, Tây xướng), 2 vị đọc văn tế, 2 vị đánh chiêng cổ, 1 đội nhạc lễ và một đội học trò lễ (gồm 4 người).

Chiều ngày 15 tháng 2, người ta sẽ tiến hành trang trí rạp cúng, chung quanh rạp có cắm cờ gồm cờ vuông, cờ đuôi nheo và cờ cúng. Bàn thờ hành lễ có chánh ban và tả, hữu ban. Trong chiều ngày 15, diễn ra Lễ Túc, lễ cúng bao gồm có kim ngân, hương đăng, hoa quả, trà rượu. Mục đích của lễ này là báo cáo với thần những việc sẽ làm trong dịp lễ đồng thời cầu xin Thần Nam Hải báo ứng cho vịnh chài diềm lành dữ trong năm.

Sáng sớm ngày 16 tháng 2, nghi thức đầu tiên thường là lễ Nghinh thần - đây là một nghi thức quan trọng thể hiện tính cộng đồng cao. Thường có đoàn rước gồm có chánh bái, 4-5 người cầm cờ, 4 người khiêng bàn hương án, các người khiêng và đánh chiêng, trống, ngoài ra còn nhiều vị cao niên trong lễ phục theo đoàn rước. Lễ vật cúng gồm có một bát hương, hoa, chuối và vàng bạc giấy tiền. Đoàn rước khởi hành từ lăng Ông, chia thành hai đội, một đội chạy thuyền ra biển để nghênh các vị thần dưới biển mời về lăng dự lễ; một đội trên bờ cũng đi đến các lăng, miếu, điện nghênh các vị thần về lăng. Thời gian của lễ Nghinh thần diễn ra trong khoảng 02 giờ đồng hồ.

Tiếp đến là tiến hành lễ tế âm linh tại lăng. Đây là lễ cúng các oan hồn đã khuất, lễ vật gồm: bát cháo thánh (cháo trắng), khoai lang luộc, đường cục (đường bát cắt cục), bát gạo muối, trầu cau, rượu cùng hương đèn và đồ vàng mã. Bắt đầu vị chánh bái gõ ba hồi mõ sau đó dâng tuần rượu và đọc văn tế. Nội dung văn tế âm dương thể hiện sự thương yêu cho những kẻ bất hạnh, khốn khổ đã khuất.

Sau lễ âm linh là lễ tế chính, đây là chính lễ của hội cầu Ngư. Lễ vật cúng gồm thịt heo luộc (hoặc heo quay), hoa quả, giấy tiền, vàng bạc... Phần lễ đủ nghi thức lễ cúng (gồm sơ hiến lễ, á hiến lễ, chung hiến lễ), trong đó có đọc văn tế ca ngợi công đức của thần Nam Hải, cầu xin thần ban cho một vụ mùa bội thu.

3. TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN NGHỀ THỦ CÔNG

a) Nghề gốm Thanh Hà

Làng nghề gốm nằm cách trung tâm phố cổ Hội An khoảng 3km về phía Tây nay thuộc khối phố Nam Diêu, phường Thanh Hà. Làng gốm Thanh Hà được hình thành vào khoảng thế kỷ XVI do các dòng họ Nguyễn Văn, Nguyễn Việt, Ngụy, Bùi, Lê... di cư từ Thanh Hoá đến Thanh Hà lập nên. Những vị tiền nhân có công lập nên làng, nghề đã được hậu thế làng gốm Thanh Hà suy tôn là Tổ nghề gốm của làng[†].

Song hành với sự phát triển của nghề gốm, cư dân làng gốm Thanh Hà còn thiết lập các di tích tín ngưỡng truyền thống của thôn ấp và của làng nghề đó là khu miếu Tổ nghề gốm tại khối phố Nam Diêu, phường Thanh Hà gồm miếu Tổ nghề gốm có phối thờ Thổ thần và Ngũ hành tiên nương (được xây dựng năm 1868), miếu Thái giám (được xây dựng vào thời vua Thiệu trị giai đoạn từ 1841-1847), miếu Âm linh (được xây vào thời vua Thành Thái trong giai đoạn từ 1889-1907), miếu Sơn Tinh. Tại đây, hàng năm thường diễn ra hai lễ tế lớn là tế Tổ nghề mở đầu một năm sản xuất mới hay còn gọi là tế xuân vào mùng 10 tháng Giêng âm lịch và lễ tế tổ vào ngày mùng 10 tháng 7 âm lịch hay còn gọi là lễ tạ một năm sản xuất.

Để chuẩn bị cho lễ tế Tổ, vào ngày 6 tháng Giêng các bô lão trong ấp họp tại miếu Nam Diêu, vận động dân làng đóng góp kinh phí tế lễ; bầu ra ban tế lễ 3 người gồm: vị chánh tế là một bô lão có uy tín trong làng, có tuổi không xung kỵ với năm âm lịch diễn ra lễ tế và hai vị phụ tế gọi là tả hữu phân hiến; phân công người viết văn tế, mua lễ vật, phụ trách chiêng, trống... Vào sáng sớm ngày 10 tháng Giêng, nhiều thợ gốm, gạch, ngói, cũng như người dân ấp Nam Diêu cùng tập trung tại miếu Tổ chung lo việc cúng tổ. Trước giờ diễn ra lễ, phụ nữ lo nấu đồ cúng, mua sắm lễ vật; thanh niên sắp đặt lễ vật vào các án thờ; các vị bô lão là chánh tế, người xướng, phụ tế lo kiểm tra đôn đốc mọi việc đồng thời mặc lễ phục truyền thống là áo dài khăn đóng; ban nhạc lễ cũng sẵn sàng. Mọi người đều tất bật để hoàn tất việc chuẩn bị trước 8 giờ. Đến khoảng 8 – 9 giờ sáng (giờ thủy triều lên) lễ tế diễn

[†] Trích phỏng vấn Ông Nguyễn Lành – 85 tuổi, nghệ nhân gốm Làng gốm Thanh Hà, Khối phố Nam Diêu, Tò 24, Phường Thanh Hà, TP. Hội An ngày 15 tháng Giêng năm 2022.

ra tuần tự tại 5 hương án là Trời Đất, Thổ nghề, Thái giám, Âm linh, Sơn Tinh nhị vị, mỗi lễ tế diễn ra khoảng 40 phút và kết thúc lúc 11, 12 giờ trưa.

Bàn cúng đất đặt ngoài sân miếu Âm linh, hướng về phía Tây Nam gồm hai tầng, tầng trên đặt các lễ vật cúng đất là hương đèn hoa, quả, bánh trái, rượu trà, xôi chè thức ăn mặn còn có một đĩa rau lang luộc một chén mắm cái để tế Man nương (tương truyền là chủ đất người Chăm - tiền nhân của vùng đất Thanh Hà), một con gà giò đã luộc chín... Đặc biệt, ở hương án này còn đặt một Long chu (làm bằng sừng tre đập dán giấy theo hình thuyền rồng) để gom góp hết xú uế của làng. Tầng dưới đặt các lễ vật cúng những vong hồn đã khuất là cháo loãng, gạo muối, hạt nãi, kim ngân vàng bạc. Bắt đầu lễ tế, chiêng trống được gióng lên, nhạc lễ hoà tấu, sau đó vị chánh tế đến đứng trước hương án, hai vị phụ tế đứng hai bên để thực hiện các nghi thức tế lễ: kiểm soát lễ vật, rửa tay, dâng hương và lạy bái theo trình tự tế lễ là sơ hiến, á hiến và chung hiến lễ dưới sự lĩnh xướng của một bộ lão khác. Trong khói hương nghi ngút, văn tế được xướng lên để cáo với Trời đất, Thành hoàng thổ địa các vị thần linh cai quản dương gian khác trong một năm, những người bất đắc kỳ tử, cầu mong các vị thần linh, âm linh phù hộ cho người dân làng gồm một năm mới an bình, may mắn, sản xuất thành công. Văn tế được xong thì được Long chu sẽ đưa đi hết điềm xấu, cầu may mắn cho dân làng cho cả năm mới. Long chu được các trai tráng trong làng khiêng ra sông trong tiếng chiêng giục giã liên hồi, đến sông Thu Bồn, người ta đẩy thả Long chu trôi thật xa hoặc đốt, nếu đốt thì cố gắng đốt cháy rụi vì họ tin rằng có như vậy thì những xui rủi sẽ được tẩy trừ.

Tiếp theo, lễ tế diễn ra tại miếu thổ nghề, đây lễ tế chính vì thổ nghề có vai trò quan trọng đối với thợ gốm, nghiệp gốm của làng. Lễ vật cúng thổ chính là gà giò nguyên con, đầu heo, các thức ăn mặn được chế biến khác và giấy tiền vàng bạc. Lễ cũng diễn ra theo trình tự sơ hiến, á hiến và chung hiến lễ và những nghi thức đi kèm đã kể ở phần tế trời đất (trừ nghi thức tống tiễn Long chu, vãi gạo muối). Do phần tế này có phối tế thổ nghề, Thổ thần, Ngũ Hành, các vị tiền hiền của làng, nên đối tượng tế cáo khá nhiều gồm những vị thần có liên quan đến nghề gốm là Thiên công (thợ trời), Cửu Thiên Huyền nữ (vị nữ thần được xem là tổ của nhiều nghề), Lịch đại Tiên sư, Ngũ Hành Tiên nương (theo quan niệm triết học phương Đông là năm vị nữ thần biểu trưng cho các yếu tố khởi nguồn của vạn vật và cũng gắn bó mật thiết với nghề gốm là Kim: kim loại, Mộc: gỗ, Thủy: nước, Hoả: lửa, Thổ: đất), Thổ thần và các vị tiền hiền của làng... Trong không gian thành kính của đại lễ, ban tế lễ, dân làng gồm tri ân các vị thần nghề nghiệp, ngưỡng vọng công đức các vị tiền hiền làng gốm đã có công phò giúp, gây dựng nên nghiệp gốm, hỗ trợ hậu thế phát triển nghề. Đồng thời cầu mong được phù hộ cho một năm sản xuất mới được tốt đẹp, bình an, may mắn.

Tiếp đến, dân làng lần lượt tế lễ tại các miếu Thái giám Bạch mã thượng đẳng thần - một vị thần được thờ phụng biến trong các thiết chế tín ngưỡng làng xã ở miền Trung, miếu Âm linh-thờ cô hồn, miếu Sơn Tinh nhị vị theo nghi lễ truyền thống nhằm cầu mong Thái giám, Âm linh, Sơn tinh nhị vị che chở cho dân làng có được cuộc sống bình an, làm ăn may mắn.

Lễ tế kết thúc, dân làng thường xem chân gà ở bàn Thổ nghề, đoán xem mọi sự cát hung của nghề gốm trong năm mà phòng trừ. Cuối cùng là mọi người trong làng cùng vui vẻ phá cỗ, hỏi thăm nhau về những dự định nghề nghiệp trong năm, cùng chung lo phát triển nghề gốm.

b) Nghề mộc Kim Bồng

Làng mộc Kim Bồng thuộc xã Cẩm Kim, cách trung tâm phố cổ Hội An khoảng 3km về phía Tây Nam. Tương truyền vào cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI, những cư dân thuộc các tộc Nguyễn, Huỳnh, Phan, Trương từ vùng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ đã đến Kim Bồng dựng làng, lập nên nghề mộc Kim Bồng. Về sau, các tộc Đỗ, Bùi, Võ đến cộng cư, góp công phát triển làng xã, mở rộng quy mô nghề mộc tại đây. Tín ngưỡng thờ tổ nghề rất ý nghĩa, không chỉ thể hiện được sự kế thừa những giá trị truyền thống mà còn thể hiện được sự cố kết cộng đồng rất đậm nét trong đời sống người Việt.

Lễ giỗ tổ nghề mộc Kim Bồng được tổ chức vào mùng 6 tháng Giêng hàng năm tại Đình tiền hiền Kim Bồng, thôn Phước Thắng, xã Cẩm Kim. Ý nghĩa của lễ này là nhằm để tưởng nhớ công ơn ông cha tổ tiên của làng đã có công xây dựng nên làng, phát triển nghề mộc và cũng để cầu cho làng có một năm mới mưa thuận gió hòa làm ăn thuận lợi. Qua phỏng vấn sâu và quan sát tham dự, chúng tôi đã nắm được trình tự của buổi lễ như sau:

Lễ giỗ tổ thường bắt đầu vào 8 giờ sáng và kéo dài trong khoảng 2 giờ chia làm hai phần: phần lễ cúng Âm Linh ở trước sân nhà thờ được tổ chức trước, phần lễ chính thức được làm trong nhà thờ. Người đứng làm lễ là những nghệ nhân lớn tuổi trong làng.

Để chuẩn bị cho lễ tế tổ, những ngày cuối năm trước, các bộ lão trong làng đã nhóm họp, chọn người làm chánh tế, phụ tế (tả hữu phân hiến) cũng như phân công phụ nữ, trai tráng trong làng lo công tác hậu cần chu đáo để lễ tế được diễn ra tốt đẹp.

Đến ngày mùng 6 tháng Giêng, từ sáng sớm, mọi người đã có mặt tại đình làng để chuẩn bị lễ vật, sắp đặt lễ vật lên các hương án. Trong lúc đó, vị chánh tế, các vị tả hữu phân hiến trong lễ phục truyền thống áo dài khăn đóng đi kiểm tra, đôn đốc mọi người lo hoàn tất công việc chuẩn bị.

Vào khoảng 9 giờ sáng, sự chuẩn bị đã xong, bà con đến dự lễ đông đủ và cũng là giờ tốt vì lúc này thủy triều đang dâng nên lễ tế được bắt đầu tại hương án tế cáo trời đất, cô hồn ở bên trong bình phong của sân đình. Bàn cúng trời đất được đặt cao hơn, ngoài lễ vật chung là hương đèn hoa quả, cau trầu, thuốc, trà rượu, lễ vật đặc biệt gồm có đầu heo, gà luộc nguyên con, giấy tiền vàng bạc và bản văn tế. Bàn cúng âm linh đặt thấp hơn một chút, bên cạnh các lễ vật thông thường được nêu ở trên, còn có thêm một đĩa cháo loãng, xôi, chè, một mâm giấy tiền vàng bạc, áo giấy, bánh ngũ sắc, gạo muối, hạt nạo để cúng riêng cho cô hồn. Đặc biệt tại hương án còn có một đĩa rau lang luộc, một chén mắm cái để cúng chúa Chàm- chủ nhân bản địa của mảnh đất này.

Lễ tế diễn ra theo trình tự 3 tuần sơ hiến, á hiến, chung hiến lễ. Bắt đầu lễ là trống chiêng được gióng ba hồi dài, nhạc lễ được tấu lên, vị chánh tế sau khi làm nghi thức kiểm tra lễ vật; rửa, lau tay thì đến đứng trước hương án, đèn hương được thắp lên, trà rượu đầy ly, chánh tế dâng hương cáo lễ và quỳ lạy, kết thúc phần sơ lễ. Đến phần á hiến lễ (phần quan trọng nhất), trà rượu được rót tiếp, các vị chánh tế lại quỳ trước bàn thờ thỉnh văn tế xuống để xướng văn tế. Văn tế do người xướng lễ đọc. Nội dung là nhân ngày xuân đầu năm bà con làm lễ tế xuân, giỗ Tổ nghề, nay xin lễ vật cáo yết trời đất, cung thỉnh các vị thần, mời các vị cô hồn dự hưởng, chứng giám và cầu mong các vị phù hộ dân làng được an bình trong năm mới. Đọc xong văn tế chánh tế quỳ thi lễ, làm thủ tục hoá vàng, vãi gạo muối cho thần linh, cô hồn.

Tiếp đến, lễ lại được diễn ra trong nội thất đình tiền hiên, đây là lễ tế chính: tế Tổ nghề mộc Kim Bồng. Lễ tế cũng được diễn ra theo tuần tự sơ, á, chung hiến lễ với những nghi thức lễ truyền thống đã nêu ở phần trên.

Lễ tế tổ nghề mộc Kim Bồng là một hoạt động tín ngưỡng đặc trưng, minh chứng tinh thần tri ân tiền nhân, tôn trọng thể giới tự nhiên trong sản xuất, sinh hoạt của người dân làng mộc, góp phần làm phong phú thêm đời sống tín ngưỡng người Việt ở Quảng Nam.

B. VAI TRÒ CỦA CÁC LOẠI HÌNH TÍN NGƯỠNG NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. GIÁ TRỊ TÂM LINH

Tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp của người Việt ở Quảng Nam đã ra đời và tồn tại từ khi họ đến đây lập nghiệp. Tín ngưỡng ấy ra đời trên sự cộng cảm giữa những giá trị văn hóa truyền thống vốn có của họ từ vùng quê gốc, họ mang theo trong hành trang Nam tiến mở cõi. Tại vùng đất mới, họ đã biết hòa quyện những giá trị văn hóa cũ cùng với những giá trị văn hóa vốn có tại vùng đất mới nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh tại một vùng đất hoàn toàn mới mẻ. Bởi lẽ, tại vùng đất hoàn toàn xa lạ, mới mẻ, những yếu tố rủi ro, bất trắc, hiểm nguy luôn đe dọa đến tính mạng con người. Đặc biệt, những cư dân làm nghề biển, sự bất an càng bủa vây khi nghề nghiệp của họ lênh đênh trên biển cả mệnh mông hết ngày này sang tháng khác. Kết quả điển hình cho thấy, tín ngưỡng của ngư dân phong phú hơn, đối tượng thờ phụng đa dạng hơn so với người nông dân. Người nông dân sản xuất trên đồng ruộng cũng có những hiểm họa từ thiên nhiên như nắng hạn, mưa lụt, rét buốt, dịch bệnh... tuy nhiên, họ vẫn có thể chủ động được phần nào cuộc sống của mình. Đặc biệt, ngày nay với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, việc sản xuất của người nông dân gặp nhiều thuận lợi hơn nhiều so với ngư dân lênh đênh với sóng lớn ngoài biển khơi. Hay đối với các nghệ nhân làm nghề thủ công, mỹ nghệ như gốm, mộc, việc thực hiện tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề với những nghi lễ được diễn ra hàng năm cũng thể hiện được sự giá trị tâm linh của các loại hình tín ngưỡng của người Việt trong đời sống hàng ngày tại vùng đất này.

2. GIÁ TRỊ VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

Qua khảo cứu thực tế các loại hình tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp của người Việt ở Quảng Nam, chúng tôi đều nhận thấy một điểm chung trong phần nghi lễ của tín ngưỡng đó ngoài phần đọc văn tế, bao giờ trong buổi lễ cũng có hình thức biểu đạt bằng các loại hình nghệ thuật dân gian được tiếp nối và sáng tạo truyền thống nhằm chuyển tải những tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của cộng đồng người Việt ở Quảng Nam đối với thế giới thần linh. Đó là các hình thức hát múa bã trạo trong thực hành nghi lễ của cư dân biển, lễ vía Bà Thu Bồn; hát bài chòi, hát bội, hát hò khoan trong nghi lễ giỗ tổ nghề mộc, lễ giỗ tổ nghề gốm, lễ cúng mục đồng. Việc thực hành tín ngưỡng song hành cùng biểu diễn các hình thức diễn xướng nghệ thuật truyền thống không chỉ thể hiện được ước mong của con người về một thế giới bình yên, qua đó, còn gìn giữ những giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống của dân tộc nói chung. Nó không những thể hiện được niềm tin, sự thờ phụng của con người vào thế giới thần linh mà còn là môi trường để gìn giữ, trao truyền và sáng tạo những giá trị nghệ thuật truyền thống trong đời sống hiện tại.

3. GIÁ TRỊ CỐ KẾT CỘNG ĐỒNG

Tín ngưỡng là một dạng thức tâm linh gắn bó lâu đời với cộng đồng người Việt trong tiến trình lịch sử ở vùng đất Quảng Nam. Thông qua thực hành tín ngưỡng (gồm thờ cúng, mở lễ hội tưởng nhớ tri ân các đối tượng thiêng liêng), biểu hiện được sự đoàn kết, sự cố kết bền chặt trong các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng. "Chính sự

cổ kết cộng đồng bền vững trên cơ sở cùng chung hệ văn hóa, tín ngưỡng đã thực hiện được chức năng quan trọng của thực hành tín ngưỡng đó là tập hợp con người, cổ kết thành một cộng đồng xã hội-kinh tế-văn hóa bền vững” [5].

Khi thực hành tín ngưỡng, con người có những quan hệ thân mật và sự giao tiếp phóng khoáng; con người được tái sinh bằng sự tái hoà nhập cộng đồng. Những quan hệ tưởng như đã cũ được đổi mới trong những buổi lễ lễ, lễ hội. Khi tham dự tế lễ, người ta xoá đi sự xa lạ, lạnh lùng bởi cái thường nhật lặp đi lặp lại trong quan hệ giữa con người với nhau. Bởi vậy, nhiều cung bậc tình cảm, như tình làng xóm, tình đồng bào, tình phường hội, tình thân tộc và tình cảm bạn bè, nhờ vào không khí tế lễ, hội hè, cũng có thêm sắc thái mới. Nhờ vậy, dường như mỗi con người đều tự cảm thấy mình đang được trở về với chính mình, mình đích thực là con người giữa cộng đồng.

4. GIÁ TRỊ GIỮ GÌN NHỮNG GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG

Người Việt là cộng đồng cư dân nông nghiệp làm lúa nước, bởi vậy ngay từ trong lịch sử hình thành các giá trị văn hóa, họ đã tạo ra một hằng số văn hóa thiên về Mẹ, đó là tín ngưỡng thờ Mẫu. Thờ Mẫu đã phản ánh được trong lịch sử văn hóa của tổ tiên ta vai trò của người phụ nữ luôn có vị trí quan trọng trong gia đình, xã hội và trong đời sống cộng đồng. Do vậy, trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong văn chương nghệ thuật thì chữ “Mẫu”, chữ “Mẹ”, chữ “Cái” vẫn giữ nguyên giá trị như nó vốn có cho đến bây giờ. Cũng như thế, ý nghĩa của chữ Mẫu-Mẹ trong các danh từ Nữ thần, Mẫu thần trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Quảng Nam cũng không nằm ngoài ý nghĩa đó. Từ khi người Việt mở cuộc Nam tiến vào miền Trung, họ đã Việt hoá vị thần mẹ Chăm để trở thành Mẫu thần Việt và gọi với các tên Thiên Ya Na thánh Mẫu, Bà Chúa Ngọc...

Người Việt trong lịch sử đã có một lối sống trọng tình nghĩa, nhân ái đối với những kiếp người khốn khổ, những người bị chết không có nơi thờ tự. Khi người Việt đến khai sơn lập địa tại vùng đất mới, mà vùng đất này trước đây cũng đã có cư dân sinh sống. Bởi vậy, người Việt thực hành tín ngưỡng thờ cúng Âm hồn/ Cô Bác/ Người chết không nơi chôn cất. Bản chất của thực hành tín ngưỡng là mang tư tưởng thực dụng (vì người thực hiện luôn gửi gắm những ước nguyện trong hành vi của mình), tuy nhiên, qua việc thực hành nghi lễ vẫn thấm nhuần tinh thần nhân ái, trọng quý sinh mệnh cộng đồng người đã khuất.

5. GIÁ TRỊ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Hiện nay, một số loại hình tín ngưỡng, tôn giáo, ngoài những giá trị về văn hóa nghệ thuật, còn có giá trị về phát triển du lịch. Thực chất, du lịch cũng là một dạng thức hoạt động văn hóa của con người, thông qua du lịch, các giá trị văn hóa được biểu hiện, tiếp biến, giao lưu và hình ảnh văn hóa của con người tại địa phương ấy được mở rộng. “Du lịch có thể tự nó mang ý nghĩa nghi lễ và tôn giáo và vì vậy, nó hoàn toàn có thể nhận thức như là một thực hành tôn giáo với các ý nghĩa mà người tín đồ tìm kiếm để làm lễ sống cho cuộc đời mình” [6].

Thực tế, việc thực hành tín ngưỡng bao gồm cả phần nghi lễ và thực hành lễ hội của người Việt ở Quảng Nam (qua nghiên cứu trường hợp tại Thành phố Hội An) có nhiều lợi thế cho việc phát triển du lịch. Theo thống kê từ Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích Hội An [7], hiện có hơn 1360 di tích ở Hội An. Trong đó có 1.273 di tích kiến trúc nghệ thuật, bao gồm nhà ở, nhà thờ tộc, đình, hội quán, chùa, nhà thờ, thánh thất, cầu, giếng, chợ, lăng, miếu, mộ. Đây chính là tài sản quý báu để bảo tồn và phát huy bản sắc đồng thời phục vụ cho hoạt động du lịch của Hội An. Hoạt động du lịch nên chú trọng kết hợp giữa du lịch sinh thái gắn với du lịch tâm linh, để du khách có thể hòa mình với những lễ hội, lễ cúng đậm chất nhân văn của người Việt ở Quảng Nam như lễ cúng Mục đồng, lễ cầu Ngự, lễ cúng Âm hồn, lễ giỗ tổ nghề gốm, lễ giỗ tổ nghề mộc... Các nghiên cứu đã chỉ ra: “trong các dạng thức của tài nguyên nhân văn, lễ hội truyền thống là tài nguyên có giá trị phục vụ du lịch rất lớn... có tính hấp dẫn cao đối với du khách. Kinh nghiệm cho thấy nơi nào bảo tồn và phát triển được những nét truyền thống trong phần hội với những trò chơi mang tính dân gian thì lễ hội nơi đó có giá trị hơn, có sức hấp dẫn hơn” [5]. Như vậy, trong quá trình bảo tồn và phát triển các loại hình tín ngưỡng, nếu kết hợp với hoạt động du lịch thì sẽ góp phần quảng bá giá trị lịch sử, nhân văn của các loại hình tín ngưỡng đến với du khách. Điều đó cũng sẽ đem lại cho những người dân địa phương lợi ích kép (lợi ích về tinh thần và lợi ích về kinh tế) khi chính họ là người được hưởng lợi từ trong quá trình thực hành tín ngưỡng.

IV. KẾT LUẬN

Qua phân tích lý thuyết chức năng và những đặc trưng của tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp của người Việt ở Quảng Nam, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, việc sử dụng lý thuyết chức năng đã giúp chúng tôi nhận định rõ hơn vai trò của tín ngưỡng trong đời sống người Việt ở Quảng nam.

Thứ hai, trong thực hành tín ngưỡng thể hiện qua phần lễ lễ, phần lớn các tín ngưỡng đều có những điểm chung trong quy trình thực hiện phần tế lễ. Buổi lễ bao giờ cũng trải qua 2 giai đoạn: Lễ túc yết diễn ra trước, nhằm báo cáo với các vị thần linh, tổ tiên... mục đích của buổi lễ, lễ vật chủ yếu là đồ chay, các thủ tục cúng vẫn diễn ra đầy đủ ở các bàn thờ. Lễ chính diễn ra sau, trong buổi lễ chính bao giờ cũng phải thực hiện đủ 3 giai đoạn: sơ hiến

(rót rượu lần 1), á hiến (rót rượu lần 2), chung hiến (rót rượu lần 3 và cáo lễ). Lễ vật của buổi lễ chính gồm cả đồ chay và mặn, thường có heo quay để tạ ơn và đặc biệt là Long chu – thuyền rồng bằng giấy để cho vào đó đồ phóng sinh rồi thả xuống dòng sông gần nhất mong cầu sự sẻ chia giữa người sống và thế giới người quá cố. Trong cả hai phần lễ, sự tham gia của nhân dân rất nhiệt tình, đàn ông lo việc lễ, đàn bà lo việc đi chợ, bếp núc.

Thứ ba, qua phân tích các đặc trưng của các loại hình tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp của người Việt ở Quảng Nam, chúng tôi khẳng định được vai trò rất lớn của nó lên đời sống người Quảng Nam. Đó là những giá trị văn hóa trong tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp của người dân Quảng Nam: giá trị tâm linh, giá trị văn hóa nghệ thuật, giá trị cổ kết cộng đồng, giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống và giá trị trong phát triển du lịch.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Sở văn hóa Thông tin Quảng Nam (2001), *Văn hóa Quảng Nam những giá trị đặc trưng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Nxb Công ty In Quảng Nam.
- [2] Tỉnh ủy Quảng Nam (2014), Báo cáo tổng kết lý luận- thực tiễn “Phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam qua 30 năm đổi mới ở tỉnh Quảng Nam”.
- [3] Nguyễn Công Trường (2021), “Tổ chức làng truyền thống của người Cơ Tu ở Quảng Nam tiếp cận từ tri thức địa phương”, Tạp chí Khoa học trường Đại học Ngoại ngữ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh, Số 6, tr.59-64.
- [4] Huỳnh Ngọc Thu (2009), *Đời sống tôn giáo của tín đồ đạo Cao Đài trong bối cảnh văn hóa Nam Bộ*, Luận án Tiến sĩ Dân tộc học, Trường ĐHKHXH&NV TP.HCM.
- [5] Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam – Đà Nẵng (Hình thái, đặc trưng và giá trị)*, Nxb Từ điển Bách khoa & Viện Văn hóa, Hà Nội.
- [6] Trương Thị Thu Hằng. (2012). Tôn giáo và du lịch Đảo Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 06, 58-69.
- [7] Trung tâm quản lý bảo tồn di tích (2008), *Lễ lễ hội Hội An*, Ấn phẩm kỉ niệm 09 năm Đô thị cổ Hội An được công nhận là Di sản văn hóa thế giới.
- [8] Tư liệu điền dã của tác giả qua các năm nghiên cứu 2016, 2022

USING FUNCTIONAL THEORY IN DETERMINING THE ROLE OF TYPES OF RELIGION RELATED TO THE CAREER OF VIETNAMESE PEOPLE IN QUANG NAM

Le Thu Huyen, Vo Thi Thanh Thuy

ABSTRACT— The use of theory in the study has role very important, any science also has a theory. The theory in the study of anthropology has history and development processes associated with British and USA Anthropologists. Among the contemporary anthropology theory, we can say, that functionality theory is highly applicable when used to decode the phenomenon of culture, religion, and belief. The purpose of the article is to use functional theory to clarify the status of the belief life of Vietnamese in Quang Nam to help us to explain the value of belief activities in life and confirm the role of the Vietnamese beliefs in the Quang culture in general.

Keywords – Theory of functions, career beliefs, role, the Vietnamese, Quang Nam.



Họ và tên: Lê Thu Huyền
 - Sinh năm 1986
 - Giảng viên Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung
 - 749, Trần Hưng Đạo, TX. Điện Bàn, Quảng Nam
 Trình độ: Tiến sĩ Dân tộc học



- Họ và tên: Võ Thị Thanh Thúy
 - Sinh năm 1978
 - Giảng viên Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung
 - 749, Trần Hưng Đạo, TX. Điện Bàn, Quảng Nam
 - Trình độ: ThS. Quản lý giáo dục